

Bài 3.4

BƯỚC 1: THỰC THỂ (TRỪ THỰC THỂ YẾU)

BANK(Code, Name, Addr)

ACCOUNT(Acct_no, Balance, Type)

LOAN(Loan_no, Amount, Type)

CUSTOMER(Ssn, Name, Phone, Addr)

BƯỚC 2: THỰC THỂ YẾU (KHÓA CỦA THỰC THỂ CHỦ → KHÓA NGOẠI)

BANK_BRANCH(Code, Branch_no, Addr)

BƯỚC 3: LIÊN KẾT 1-1 (Đưa khóa chính của T sang làm khóa ngoại của S)

Không có liên kết 1-1

BƯỚC 4: LIÊN KẾT 1-N (Khóa của bảng bên 1 thành khóa ngoại của bảng bên nhiều)

BANK_BRANCH(Code, Branch_no, Addr)

LOAN(Loan_no, Amount, Type, Branch_no)

ACCOUNT(Acct_no, Balance, Type, Branch_no)

BƯỚC 5: LIÊN KẾT M-N: (Khóa chính của R là sự kết hợp của 2 khóa ngoại)

A_C(Ssn, Acct_no)

L_C(Ssn, Loan_no)

BƯỚC 6: THUỘC TÍNH ĐA TRỊ:

Không có thuộc tính đa trị

BƯỚC 7:LIÊN KẾT BẬC > 2

Không có liên kết bậc > 2

BƯỚC 8: QUAN HỆ CHA CON, CHUYÊN BIỆT VÀ TỔNG QUÁT HÓA:

Không có quan hệ cha con, chuyên biệt và tổng quát hóa

Bảng quan hệ:

BANK(Code,name,addr)

LOAN(Loan_no,Amount,Type,Branch_no)

CUSTOMER(Ssn,Name,Phone,Addr)

ACCOUNT(Acct_no,Balance,Type,Branch_no)

BANK_BRANCH(Code,Branch_no,Addr)

A_C(Ssn,Acct_no)

L_C(Ssn,Loan_no)

Bài 3.5

BƯỚC 1:Thực thể:

AIRPORT(Airport_code,City, State, Name)

FLIGHT(Number,weekdays,Airline)

AIRPLANE_TYPE(Type_name,Company,Max_seats)

AIRPLANE(Airplane_id,Total_no_of_seats)

BƯỚC 2:THỰC THỂ YẾU

FLIGHT_LEG(Airport_code, Number, Leg_no)

FARE(Number, Code, Amount, Restrictions)

LEG_INSTANCE(Airplane_id, No_of_avail_seat, Date)

SEAT(Seat_no, Date)

BƯỚC 3: LIÊN KẾT 1-1

Không có liên kết 1-1

BƯỚC 4: LIÊN KẾT 1-N

FLIGHT_LEG(Airport_code, Number, Leg_no, Scheduled_dep_time, Scheduled_arr_time)

AIRPLANE(Airplane_id, Total_no_of_seats, Type_name, Date)

LEG_INSTANCE(Airplane_id, No_of_avail_seat, Date, Seat_no, arr_time, Dep_time, Number, leg_no, Airport_code)

FARE(Number, Code, amount, restrictions,)

SEAT(Airplane_id, Seat_no, Customer_name, Cphone)

BƯỚC 5: LIÊN KẾT M-N:

CAN_LAND(Type_name, Airport_code)

BƯỚC 6: THUỘC TÍNH ĐA TRỊ:

Không có thuộc tính đa trị

BƯỚC 7: LIÊN KẾT BẬC > 2

Không có liên kết bậc > 2

BƯỚC 8: QUAN HỆ CHA CON, CHUYÊN BIỆT VÀ TỔNG QUÁT HÓA:

Không có quan hệ cha con, chuyên biệt và tổng quát hóa

Bảng quan hệ:

AIRPORT(Airport_code,City,State,Name)

AIRPLANE_TYPE(Type_name,Company,Max_seats)

AIRPLANE(Airplane_id,Total_no_of_seats,Type_name)

FLIGHT_LEG(Airport_code,number,Leg_no,Scheduled_dep_time,
Scheduled_arr_time)

FLIGHT(Number,weekdays,Airline)

LEG_INSTANCE(Airplane_id,Airport_code,No_of_avail_seat,Date,Seat_no,arr_time,Dep_time,flight_number,leg_no)

FARE(number,Code, amount, restrictions,)

SEAT(Seat_no,Customer_name,Cphone)

CAN_LAND(Type_name,Airport_code)

Bài 3.6

BƯỚC 1:Thực thể:

SHIP(Sname,Owner)

SHIP_TYPE(Type,Tonnage,Hull)

STATE/COUNTRY(Name,Continent)

STATE/COUNTRY(Name,Continent)

SEA/OCEAN/LAKE(Name)

BƯỚC 2:THỰC THỂ YẾU:

SHIP_MOVEMENT(Sname,Time_stamp,Longitude,Latitude)

PORT_VISIT(Start_date,Sname,End_date)

PORT(Pname,Sname,STATE-Name,SEA-OCEAN-LAKE-Name,
STATE/COUNTY-Name)

BƯỚC 3: LIÊN KẾT 1-1

Không có liên kết 1-1

BƯỚC 4: LIÊN KẾT 1-N

SHIP_MOVEMENT(Sname,Time_stamp,Longitude,Latitude)

SHIP(Sname,Owner,Type)

PORT(Pname,Sname,STATE-Name,SEA-OCEAN-LAKE-Name,
STATE/COUNTY-Name)

BƯỚC 5: LIÊN KẾT M-N:

Không có liên kết M – N:

BƯỚC 6: THUỘC TÍNH ĐA TRỊ:

Không có thuộc tính đa trị

BƯỚC 7:LIÊN KẾT BẬC > 2:

SHIP_AT_PORT(Sname,Pname,Start_date,End_date)

BƯỚC 8: QUAN HỆ CHA CON, CHUYÊN BIỆT VÀ TỔNG QUÁT HÓA:

Không có quan hệ cha con, chuyên biệt và tổng quát hóa

Bảng quan hệ:

SHIP_AT_PORT(Sname,Pname,Start_date,End_date)

SHIP_TYPE(Type,Tonnage,Hull)

SHIP_MOVEMENT(Sname,Time_stamp,Longitude,Latitude)

SHIP(Sname,Owner,Type)

PORT(Pname,Sname,STATE-Name,SEA-OCEAN-LAKE-Name,STATE/COUNTY-Name)

STATE/COUNTRY(Name,Continent)

SEA/OCEAN/LAKE(Name)